

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **293/2020/HS-PT**
Ngày: 12-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Hưng**

Các Thẩm phán: Bà **Đỗ Thị Nhung;**

Bà Phạm Thị Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Thanh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phan Hoàng Quân** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 189/2020/TLPT-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Trần Công H, do có kháng cáo của bị cáo Trần Công H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 117/2020/HS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Công H, tên gọi khác: không, sinh năm 1971 tại Đồng Nai; nơi cư trú: khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Thành viên tổ quản lý trật tự đô thị phường T; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1926 (đã chết) và bà Phạm Thị N, sinh năm 1929 (đã chết); có vợ Hà Thị Tuyết T, sinh năm 1979; có 02 con sinh năm 2007 và năm 2010; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được tại ngoại để điều tra và hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 98/2020/TA-LCĐKNCT ngày 17/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Bị cáo có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Bà Dương Tú D, Luật sư thuộc Công ty luật M, Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai – có mặt.

Ông Bùi Đức M - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư H, Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Công H là tổ viên (thành viên) của Tổ quản lý trật tự đô thị phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, làm việc theo chế độ hợp đồng và Quyết định thành lập Tổ quản lý trật tự đô thị số 40/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân phường T. Tổ quản lý trật tự đô thị có chức năng, nhiệm vụ: “Tổ chức kiểm tra, phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các trường hợp vi phạm hành chính trong các lĩnh vực: đất đai, xây dựng, môi trường, thương mại, giao thông đường bộ, thú y,... theo quy định Nhà nước”. Tổ viên Tổ quản lý trật tự đô thị có chức năng, nhiệm vụ phát hiện, lập biên bản ghi nhận hiện trạng các công trình xây dựng trái phép trên địa bàn phường T và báo cáo Tổ trưởng Tổ quản lý trật tự đô thị phường để xử lý, trường hợp Tổ trưởng không xử lý thì có trách nhiệm báo cáo Phó Chủ tịch phụ trách hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường để xử lý theo quy định pháp luật. Vào tháng 7 năm 2016, với tư cách là tổ viên (thành viên) Tổ quản lý trật tự đô thị phường T, Hinh đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhận số tiền 15.000.000 đồng của vợ chồng ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1971 và bà Đỗ Thụy Y, sinh năm 1975 cùng ngụ tại địa chỉ số khu phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để giúp cho vợ chồng ông Đ và bà Y xây dựng trái phép căn nhà xưởng có kết cấu khung sắt, lợp mái tôn và quây tôn xung quanh trên diện tích 170m² đất thuộc khu phố 10, phường T theo yêu cầu của vợ chồng ông Đ và bà Y, không báo cáo Tổ trưởng Tổ quản lý trật tự đô thị và Lãnh đạo phường T để ngăn chặn, xử lý công trình xây dựng trái phép trên của ông Đ và bà Y theo quy định, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn trong lĩnh vực quản lý đất đai, xây dựng của Ủy ban nhân dân phường T. Sau khi xây dựng hoàn thành xong nhà xưởng trên, do bức xúc về tình trạng chi tiền để xây dựng trái phép trên địa bàn phường, ngày 16 tháng 3 năm 2018 bà Y đã tố cáo hành vi trên của H với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa để điều tra, xử lý.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 thẻ lưu trữ (USB) màu trắng hiệu TOSHIBA 8GB ký hiệu 174317YA063PP1RJ1K U202 do bà Y giao nộp, có lưu trữ nội dung ghi âm cuộc nói chuyện qua điện thoại giữa bị cáo H và ông Đ thể hiện việc H có nhận số tiền 15.000.000 đồng lo cho vợ chồng ông Đ, bà Y xây dựng nhà xưởng nêu trên.

- 01 thẻ lưu trữ (USB) màu đen hiệu KINGMAX USB 3.0 16GB ký hiệu 1851 (M1) và 01 thẻ lưu trữ (USB) màu nhũ bạc hiệu KINGMAX USB 3.0 16GB ký hiệu 1850 (M2), do Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa thu thập, có lưu trữ file ghi âm giọng nói của bị cáo H và ông Đ, phục vụ công tác giám định.

- Số tiền 15.000.000 đồng do bị cáo H giao nộp, bằng số tiền có được do hành vi phạm tội mà có.

Tại bản kết luận giám định số 2507/C09B ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc Viện Khoa học hình sự kết luận: Tiếng nói của người nói giọng nam xưng “em” được gọi là “chú” (ký hiệu là H trong bản dịch nội dung) trong tập tin âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Trần Công H trong mẫu so sánh (ký hiệu M1) là của cùng một người nói. Tiếng nói của người nói giọng nam xưng “anh” (ký hiệu là Đ trong bản dịch nội dung) trong tập tin âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Phạm Văn Đ

trong mẫu so sánh (ký hiệu M2) là của cùng một người nói. Không phát hiện dấu hiệu cắt gép, chỉnh sửa nội dung trong tập tin âm thanh mẫu cần giám định.

Tại Cáo trạng số: 52/CT-VKSBH ngày 13/01/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố Trần Công H về tội: “Nhận hối lộ” theo điểm a khoản 1 Điều 354 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2020/HS-ST ngày 17-3-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trần Công H phạm tội “Nhận hối lộ” và xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/02/2020, bị cáo Trần Công H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo mà xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù là quá nặng, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai cho hưởng án treo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa: Lời khai của bị cáo Trần Công H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Nhận hối lộ” là có căn cứ, đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo mức án 02 năm là phù hợp. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào khác, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa: bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã nộp lại số tiền để khắc phục hậu quả; bị cáo bị bệnh, vợ bị cáo cũng bị bệnh về cột sống không có khả năng lao động, bị cáo là lao động chính trong gia đình, các con còn nhỏ, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bị cáo Trần Công H gửi đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Công khai nhận khoảng tháng 7/2016, khi là thành viên Tổ quản lý trật tự đô thị phường T, thành phố B, bị cáo đã nhận số tiền 15.000.000đ của ông Phạm Văn Đ và bà Đỗ Thị Y để giúp vợ chồng ông Đ, bà Y xây dựng trái phép căn nhà xưởng trên diện tích 170m² đất thuộc khu phố 10, phường T, thành phố B. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập có tại hồ sơ, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Nhận hối lộ”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354

của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo nhận thấy:

[3.1] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn, ảnh hưởng đến uy tín của các tổ chức, cơ quan nhà nước khi thực hiện công vụ. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm trên cơ sở xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác được Ủy ban nhân dân phường xác nhận; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, đã nộp lại số tiền phạm tội; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hiện bị cáo đang bị bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính, sỏi túi mật và phì đại tiền liệt tuyến, vợ bị cáo bị bệnh gai cột sống để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp.

[3.2] Bị cáo đề nghị được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không có cơ sở chấp nhận vì: hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra là xâm phạm đến hoạt động và uy tín của cơ quan nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ nên việc bị cáo giao nộp lại số tiền 15.000.000đ không được xem là khắc phục hậu quả; bị cáo phạm tội lần đầu nhưng không thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo được Ủy ban nhân dân phường xác nhận có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác nhưng thực tế chỉ được tặng giấy khen cấp phường, cấp thành phố nên chưa đủ điều kiện áp dụng.

[3.3] Tại đơn kháng cáo, ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được xem xét nêu trên, bị cáo còn trình bày bị cáo là lao động chính trong gia đình, có hai con còn nhỏ, gia đình phải ở nhờ nhà anh trai do không có nhà ở riêng. Các tình tiết giảm nhẹ này được Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, ngoài ra thì bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào khác. Bị cáo đã lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao để trục lợi, cho hưởng án treo không đảm bảo giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về các vấn đề khác liên quan đến vụ án:

[5.1] Hành vi của ông Phạm Văn Đ và bà Đỗ Thụy Y có dấu hiệu phạm tội “Đưa hối lộ”, quy định tại Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, thông qua đơn tố cáo, ông Đ và bà Y đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác nên Cơ quan điều tra đã vận dụng quy định tại khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Đ và bà Y là phù hợp. Do đó, kiến nghị Ủy ban nhân

dân thành phố Biên Hòa xử lý hành vi xây dựng trái phép của ông Đ, bà Y theo quy định.

[5.2] Bị cáo khai trước khi nhận giúp vợ chồng ông Đ, bà Y xây dựng trái phép nhà xưởng, có bàn với ông Trịnh Thanh Q là Tổ trưởng Tổ quản lý trật tự đô thị phường T và được ông Q đồng ý, đồng thời ông Phạm Minh H là Tổ viên Tổ quản lý trật tự đô thị phường T cũng biết sự việc trên. Sau khi nhận số tiền 15.000.000 đồng của bà Y và ông Đ thì bị cáo đưa hết cho ông Q và được ông Q cho lại số tiền 2.000.000 đồng, ông Q còn đưa thêm số tiền 2.000.000 đồng để nhờ bị cáo đưa cho ông H. Tuy nhiên, lời khai của các ông Q và H không thừa nhận có sự việc trên, Cơ quan điều tra không thu thập được chứng cứ, tài liệu khác chứng minh. Do đó, không đủ cơ sở để kết luận và xử lý với ông Q và ông H với vai trò đồng phạm trong vụ án.

[5.3] Tại giai đoạn điều tra, bị cáo còn khai trong năm 2016 có nhận số tiền 15.000.000 đồng của bà Phạm Thị Cẩm X (sinh năm 1974, ngụ tại khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) để giúp cho bà X xây dựng trái phép căn nhà trên địa bàn thuộc khu phố 7, phường T. Tuy nhiên sau đó bị cáo thay đổi lời khai, cho rằng do bị căng thẳng nên đã nhầm lẫn giữa việc nhận tiền của bà Y sang bà X, bà X thì trình bày không có đưa số tiền 15.000.000 đồng như bị cáo khai. Do chưa có chứng cứ vật chất, chưa đủ căn cứ để kết luận, xử lý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã tách ra, tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

[6] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về quan điểm của người bào chữa đề nghị áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm b, i, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Công H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 117/2020/HS-ST ngày 17-3-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Công H 02 (hai) năm tù về tội “Nhận hối lộ”; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Công H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Biên Hòa (2);
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Công an TP. Biên Hòa;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu HS (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Hưng